

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính, số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1859 /TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 9 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT (P).

**CHỦ TỊCH**

**Trương Quốc Huy**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH  
KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HÀ NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp				
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14);</li><li>- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP);</li><li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC);</li><li>- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT).</li></ul>

2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;

			tỉnh Hà Nam		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;

	tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương		tỉnh Hà Nam		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;

					- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách	1,5	Trung tâm	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

	nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam		- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	03	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;



					- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
37	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
38	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Không tính thời gian	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
40	Giải thể doanh nghiệp	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
44	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
45	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
46	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
47	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	03	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
48	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;

	doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh		tỉnh Hà Nam		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
49	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
50	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
51	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1,5	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</b>				
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Hợp tác; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP;

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.</li> </ul>
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.</li> </ul>
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;</li> <li>- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.</li> </ul>
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.</li> </ul>
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;</li> </ul>
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã;</li> <li>- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;</li> </ul>
8	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	01	Trung tâm	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hợp tác xã;</li> </ul>

			Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	quy định	- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
10	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	02	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

			tỉnh Hà Nam		- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	01	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</b>				
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
5	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Chưa quy định	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Chưa quy định	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP.
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn</b>				
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	05	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP

V	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam				
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021</li> </ul>
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021</li> </ul>
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021</li> </ul>
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021</li> </ul>
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	01	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</li> <li>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021</li> </ul>

6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	17	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với	17	Trung tâm phục vụ hành	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;



	đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh		chính công tỉnh Hà Nam		- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	07	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	02	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	09	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
15	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	02	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối	Không quy	Trung tâm	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày

	với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	định	phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam		17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	06	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	02	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	01	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	06	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của Nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	06	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày

			tỉnh Hà Nam		26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	06	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021
<b>VI</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư</b>				
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	25	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.
2	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	25	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.
3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	07	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	25	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.

5	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	25	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021. - Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020.
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài</b>				
1	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Theo quy định của Chính Phủ	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
2	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản.	45	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
3	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu	45	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
4	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.	Theo quy định của Chính Phủ	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
5	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.	13	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.
6	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	10	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	- Luật Đầu tư công; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.

7	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.	ng Khô	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh Hà Nam	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP.</li> </ul>
---	--	-----------	---	-------	--

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có (đồng)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b>				
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC.
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC.

5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
<b>II Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã</b>					
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;

			huyện		- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	2	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;



			huyện		- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND.
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	2	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết (ngày)</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí nếu có (đồng)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác</b>				
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP.
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP.
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Trong ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP.